

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐX
TỈNH BP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 07/7/2022

V/v “Ly hôn, chia con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐX, TỈNH BP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Được

Ông Trịnh Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Hoàng Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố ĐX, tỉnh BP.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố ĐX, tỉnh BP tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố ĐX xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 52/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 20/6/2022 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Mỹ V, sinh năm 1983 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ 2, khu phố TB, phường TB, thành phố ĐX, tỉnh BP

** Bị đơn:* Ông Hồ Vương Phú H, sinh năm 1983 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ 2, khu phố TB, phường TB, thành phố ĐX, tỉnh BP

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ V trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Mỹ V và ông Hồ Vương Phú H tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TB, thị xã ĐX (nay là thành phố ĐX), tỉnh BP vào ngày 11/6/2007. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian đầu. Nhưng cho đến vài năm trở lại đây mâu thuẫn vợ chồng ông H, bà V ngày càng trầm trọng hơn do vợ chồng bất

đồng về quan điểm, không có tiếng nói chung, **ông H** thường viện lý do để đánh đập **bà V** thậm tệ, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt và không thể cứu vãn được. Tất cả những mâu thuẫn đó tạo cho **bà V** nhiều áp lực về tâm lý, mệt mỏi trong cuộc sống vợ chồng. Vì vậy, nay **bà V** làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho **bà V** được ly hôn với **ông Hồ Vương Phú H**.

- *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Bà Lê Thị Mỹ V và ông Hồ Vương Phú H có 02 con chung tên là **Hồ Lê Như P**, sinh ngày 31/10/2007 và **Hồ Lê Quang H1**, sinh ngày 20/8/2016. Khi ly hôn **bà V** có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung là **cháu P** và **cháu H1** cho đến khi đủ 18 tuổi và **bà V** không yêu cầu **ông H** phải cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết

*** Bị đơn ông Hồ Vương Phú H trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: **Ông H** thống nhất với lời trình bày của **bà V** về thời gian chung sống và đăng ký kết hôn của hai vợ chồng, trong quá trình chung sống thì có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không cùng quan điểm sống và thỉnh thoảng xảy ra xô xát, có chửi qua đánh lại với bà V nhưng theo ông H đó chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhất trong đời sống vợ chồng mà đôi khi cũng phải xảy ra, không ai tránh khỏi. Vì vậy, trước yêu cầu ly hôn của **bà V** thì **ông H** không đồng ý.

- *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: **Ông H và bà V** có 02 con chung tên là **Hồ Lê Như P**, sinh ngày 31/10/2007 và **Hồ Lê Quang H1**, sinh ngày 20/8/2016. Nếu trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn **ông H** có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục **cháu P** và **cháu H1** cho đến khi đủ 18 tuổi và **ông H** không yêu cầu **bà V** phải cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: **Ông H** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:**

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*: Xét thấy, bà Lê Thị Mỹ V và ông Hồ Vương Phú H kết hôn vào năm 2007, có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống chỉ hạnh phúc với nhau được một thời gian đầu nhưng cho đến vài năm trở lại đây mâu thuẫn vợ chồng ông H, bà V ngày càng trầm trọng hơn do vợ chồng bất đồng về quan điểm, không có tiếng nói chung. **Ông H không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp nào để đoàn tụ**. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho **bà V** ly hôn với **ông H**.

Về nuôi con chung: Bà V và ông H có 02 con chung tên là **Hồ Lê Như P**, sinh ngày 31/10/2007 và **Hồ Lê Quang H1**, sinh ngày 20/8/2016. Khi ly hôn bà V và ông H đều yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu các bên phải cấp dưỡng. Xét thấy hiện tại, hai con chung là **cháu P và cháu H1** do bà V trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng. Để không ảnh hưởng đến cuộc sống, học tập và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con hai cháu cũng như nguyện vọng của cháu P mong muốn được sống cùng với mẹ. Do đó, cần giao các con chung **cháu P và cháu H1** cho bà V được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà V không yêu cầu ông H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên không cần xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà V và ông H khai không có tài sản chung và không có nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án ly hôn do nguyên đơn **bà Lê Thị Mỹ V** làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn **ông Hồ Vương Phú H** theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, do bị đơn ông Hồ Vương Phú H có nơi cư trú tại Tổ 2, khu phố TB, phường TB, thành phố ĐX, tỉnh BP, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố ĐX. Tại phiên tòa hôm nay **ông H** có đơn xin xét xử vắng mặt do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt **ông H**

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Lê Thị Mỹ V và ông Hồ Vương Phú H tự do tìm hiểu, tự nguyện yêu thương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TB, thị xã ĐX (nay là thành phố ĐX), tỉnh BP vào ngày 11/6/2007. Việc kết hôn là đúng quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Qua lời khai trình của bà V, quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau nên vợ chồng đã không còn tình cảm và không thể hàn gắn được

[3] *Về hòa giải đoàn tụ*: Trong quá trình thu thập chứng cứ, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông H lên để hòa giải đoàn tụ nhưng bị đơn ông H giữ nguyên yêu cầu xin được đoàn tụ với bà V không chấp nhận ly hôn nhưng ông không thể hiện bằng hành động để thể hiện muốn hàn gắn với bà V. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã phân tích các nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, các H quả về xã hội và gia đình sau khi vợ chồng ly hôn, nhưng bà Lê Thị Mỹ V vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Hồ Vương Phú H.

[4] *Căn cứ pháp lý*: Xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng làm cho tình trạng hôn nhân trầm trọng, tình cảm vợ chồng của bà V với ông H không còn, đời sống chung vợ chồng không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ V đối với bị đơn ông Hồ Vương Phú H.

[5] Về việc nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án **bà V và ông H** đều có yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy hiện tại, hai con chung là **cháu P và cháu H1** do bà V trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng. Để không ảnh hưởng đến cuộc sống, học tập và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của hai cháu cũng như nguyện vọng của cháu P mong muốn được sống cùng với mẹ. Do đó, cần giao các con chung là **cháu P và cháu H1** cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Bà V không yêu cầu ông H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà V phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ V.

Xử cho bà Lê Thị Mỹ V được ly hôn với ông Hồ Vương Phú H

2/ Về việc nuôi con: Giao cho bà Lê Thị Mỹ V trực tiếp nuôi các con chung là cháu **Hồ Lê Như P (sinh ngày 31/10/2007)** và cháu **Hồ Lê Quang H1 (sinh ngày 20/8/2016)**. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có quyền quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3/ Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Mỹ V phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) Bà V đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004252 ngày 01/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố ĐX, tỉnh BP. Bà V đã thi hành xong.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND TP. ĐX;
- TAND tỉnh BP;
- Chi cục THADS TP. ĐX;
- UBND phường TB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tuấn